

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/HSST

Ngày 14 - 3 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Ngọc Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2023/HSST ngày 23 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 02 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/2023/TB- TA ngày 03/3/2023 đối với bị cáo:

**Trần Đình T**, sinh ngày 01/01/1965 tại N; Nơi ĐKKHKT: số nhà 15A, đường Đ, tổ 05, phường C, thành phố N, tỉnh N (nay là ngõ 31, đường Đ, tổ 05, phường C, thành phố N, tỉnh N); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 01/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C1 và bà Trần Thị T1 (đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Hồng L (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 04/HSST ngày 15/01/1987 của Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bản án số 1756/HSPT ngày 23/12/1993 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 48/HSST ngày 09/4/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 21/HSST ngày 13/12/2001 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 26/HSST ngày 16/1/2003 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H1 xử

phạt 12 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp với hình phạt tại bản án số 21/HSST ngày 13/12/2001 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N, hình phạt chung Trần Đình T phải chấp hành là 22 tháng 10 ngày tù; Bản án số 195/HSST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bản án số 266/HSST ngày 31/7/2013 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh N xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2013. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/12/2022. Có mặt.

**\* Bị hại**

1. Chị Vũ Thị T2, sinh năm 1978; Trú tại: thôn R, xã N1, huyện T3, tỉnh T4. (Vắng mặt)

2. Anh Hoàng Văn K1, sinh năm 1970; Trú tại: khu Đ1, thị trấn K2, huyện K2, tỉnh T4. (Vắng mặt)

3. Cháu Đào Tô Minh C2, sinh năm 2008; Trú tại: thôn V, xã N2, huyện T3, tỉnh T4. (Có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của cháu C2:* Bà Tô Thị Hồng Đ2, sinh năm 1981; Trú tại: thôn V, xã N2, huyện T3, tỉnh T4 - Là mẹ đẻ cháu C2. (Có mặt)

**\* Người làm chứng:**

1. Anh Đỗ Khắc B, sinh năm 1965; Trú tại: tổ 04, phường Đ3, thành phố T4, tỉnh T4. (Vắng mặt)

2. Anh Đỗ Ngọc H2, sinh năm 1974; Trú tại: thôn T5, xã V1, thành phố T4, tỉnh T4. (Vắng mặt)

3. Anh Trần Hữu C3, sinh năm 1980; Trú tại: tổ 02, phường T6, thành phố T4, tỉnh T4. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2022, Trần Đình T đi xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN, màu xanh, biển kiểm soát 18B2-507.76 từ thành phố N sang Bệnh viện đa khoa tỉnh T4 thuộc tổ 19, phường Q, thành phố T4, tỉnh T4 mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến T gửi xe tại nhà để xe của bệnh viện rồi đi bộ lang thang trong bệnh viện. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/12/2022, T đi lên tầng 02 đến phòng 209 khu nhà D khoa ngoại tổng hợp nhìn thấy trong phòng tắt điện, cửa không khóa T mở cửa đi vào trong phòng thấy mọi người đang ngủ, quan sát trên mặt tủ để đồ ở cạnh giường bệnh có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Masstel, màu đen và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu

Vivo, vỏ màu tím than, T dùng tay trái cầm hai chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc đi ra ngoài khép cửa phòng.

Sau khi lấy được 02 điện thoại trên, T đi sang tầng 03 khu nhà L Khoa truyền nhiễm của Bệnh viện phát hiện phòng 305 cửa không khóa trong phòng tắt điện mọi người đang ngủ, T mở cửa đi vào trong phòng đến giường cuối nhìn thấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15, vỏ màu trắng để trên mặt tủ đồ cạnh giường bệnh, T dùng tay phải lấy chiếc điện thoại và tiếp tục quan sát có 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 10A, màu đen, T đi đến và dùng tay phải lấy chiếc điện thoại. Lúc này, trong phòng có người hô hoán “*mày làm gì đấy*”, T liền vứt hai chiếc điện thoại ra giường rồi bỏ chạy xuống tầng 1 chạy ra phía sân sau bệnh viện thì bị lực lượng Công an phường và bảo vệ Bệnh viện phát hiện bắt giữ đưa người cùng vật chứng về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: “*Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 15/12/2022 là 7.825.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: Trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel là 220.000 đồng; trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO là 2.115.000 đồng; trị giá 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO là 2.330.000 đồng; trị giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10A là 3.1600.000 đồng*”.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSTPTB ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Trần Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa trong phần tranh luận, Kiểm sát viên luận tội bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Đình T mức án tù 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/12/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên trả lại cho Trần Đình T 01 ví giả da màu nâu, đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân mang tên Trần Đình T; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18B2-507.76 mang tên Phạm Thái B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu A50 màu xanh; 01 xe mô tô 01 xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN, màu xanh (ngoài ghi nhãn hiệu Wave 110) biển kiểm soát 18B2-507.76. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Trần Đình T đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản gồm 02 chiếc điện thoại di động tại phòng 209 khu nhà D Khoa ngoại tổng hợp và 02 chiếc điện thoại di động tại phòng 305 nhà L Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình bị phát hiện bắt quả tang như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã mô tả, bị cáo không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại cháu Đào Tô Minh C2 và đại diện hợp pháp cho cháu C2 thừa nhận diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo như trình bày tại phiên tòa là đúng. Tài sản bị chiếm đoạt cháu đã nhận lại nguyên vẹn không có yêu cầu gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Khi được trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng được chứng minh bằng biên bản vụ việc, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi và loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/12/2022 tại phòng 209 khu nhà D thuộc khoa ngoại tổng hợp bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình Trần Đình Túc đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại nhãn hiệu Masstel, màu đen trị giá 220.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo, màu tím than trị giá 2.115.000 đồng của chị Vũ Thị T2, tổng trị giá là 2.335.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt 02 điện thoại trên, T đi sang phòng 305 khu nhà L thuộc khoa truyền nhiễm bệnh viện lén lút chiếm

đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15, vỏ màu trắng anh Hoàng Văn K1 trị giá 2.330.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 10A, màu đen của cháu Đào Tô Minh C2 trị giá 3.160.000 đồng. Tổng trị giá bị cáo chiếm đoạt là 7.825.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là người trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi đó của Trần Đình T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là có căn cứ. Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*"

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân nói chung và người bệnh cùng thân nhân đang điều trị tại Bệnh viện nói riêng, tạo dư luận xấu, cần xét xử nghiêm minh dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội 02 lần trở lên) theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo đã 07 lần bị kết án đi chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ, tuy đã được xóa nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn đã thu hồi trả lại cho bị hại hạn chế hậu quả, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất vụ án, đặc điểm về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử lên mức án tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Các tài sản quản lý của bị cáo trong quá trình điều tra gồm 01 ví giả da màu nâu, 01 căn cước công dân mang tên Trần Đình T,

01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 18B2-507.76 mang tên Phạm Thái B1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A50 và 01 xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN, màu xanh (ghi Wave 110) biển kiểm soát 18B2-507.76. Qua điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN biển kiểm soát 18B2-507.76 là xe bị cáo mua của anh Phạm Thái B1 ở tổ 04, phường T7, thành phố N, N để sử dụng làm phương tiện đi lại, điện thoại di động Samsung Galaxy A50 của bị cáo dùng để liên lạc và 01 ví giả da màu nâu, 01 căn cước công dân là của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Đình T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/12/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Đình T 01 xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN, màu xanh (ghi nhãn hiệu Wave 110) biển kiểm soát 18B2-507.76; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 18B2-507.76 (mang tên Phạm Thái B1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu xanh, 01 ví giả da màu nâu và 01 căn cước công dân (mang tên Trần Đình T). (Vật chứng và tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 23/2/2023).

5. Về án phí: Bị cáo Trần Đình T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

14/3/2023. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- CQCSĐT Công an TP. Thái Bình;
- CQTHAHS Công an TP. Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Sơn**